

Bản án số 20/2018/HS-ST
Ngày 15-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thiệm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Trần Đăng Khoa.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Phương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Văn Đ, sinh ngày 10/2/1983 tại Hải Dương. ĐKNKTT: Phố HH, thị trấn PT, huyện KT, tỉnh Hải Dương; chỗ ở: Số 18 phố HH, thị trấn PT, huyện KT, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M và con bà Nguyễn Thị L; có vợ là Vũ Thị H; có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Án số 16/2012/HSST ngày 05/6/2012, Tòa án nhân dân huyện KT, tỉnh Hải Dương xử phạt 30 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; nhân thân: 02 tiền án đã được xóa án tích: Án số 15/2005/HSST ngày 04/8/2005, Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Hải Dương xử phạt 18 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”; Án số 11/2015/HSST ngày 17/3/2015, Tòa án nhân dân huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên xử phạt 6 tháng tù về tội “Đánh bạc” (đã được xóa án tích); ra đầu thú ngày 25/10/2017, tạm giữ từ ngày 26/10/2017 đến ngày 03/11/2017 chuyển tạm giam; có mặt.

Bị hại: Anh S Rusleksachenko, sinh năm 1980; quốc tịch: Nga; chỗ ở: Tòa nhà CG, số DT208 AĐ, huyện AD, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người phiên dịch: Bà Vũ Thị Kiều N1 – Phòng Quản lý xuất nhập cảnh –

Công an thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Những người làm chứng:

1. Anh Lã Xuân T; vắng mặt.
2. Anh Phạm Văn T1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 25/10/2017, Lê Văn Đ điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 16M5-2648 chở Lã Xuân T (sinh năm 1991, trú tại: Xóm 1, thôn LX, xã KL, huyện KT, tỉnh Hải Dương) trên đường Nguyễn Văn Linh theo hướng cầu vượt Lạch Tray về cầu Niệm. Khi đi đến ngã 3 Nguyễn Văn Linh - cầu Rào 2, cả hai gặp anh S (sinh năm 1980, quốc tịch Nga) đang dắt bộ xe mô tô cùng chiều. Đ dừng xe và cùng T giúp anh S đẩy xe. Khi đến trước cửa nhà số 394 Nguyễn Văn Linh, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, T và Đ ra hiệu cho anh S dừng lại để đi mua xăng. Sau khi đi mua xăng về, không thấy anh S nên T và Đ đã tự đổ xăng và dùng chìa khóa xe của mình để mở khóa xe nhưng chìa khóa bị gãy. Khi quay lại, phát hiện xe không nổ máy được nên anh S cùng Đ, T sửa xe. Quá trình sửa xe anh S nói to và tỏ thái độ bức tức. Anh S lấy ra chiếc điện thoại di động Iphone 6S màu trắng, bật đèn pin điện thoại đưa cho Đ cầm để soi. Do cho rằng đã giúp đẩy xe và sửa xe lại bị anh S tỏ thái độ bức tức nên Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại trên. Đ tắt đèn flash điện thoại, đút điện thoại vào túi quần, ra hiệu cho T lên xe mô tô Đ điều khiển bỏ chạy về phía cầu An Đồng. Trên đường đi, Đ nói cho T biết đã lấy điện thoại di động của anh S.

Khoảng 11h ngày 25/10/2017, Đ mang điện thoại đến quán sửa chữa điện thoại của anh Phạm Văn T1 ở số 231 đường ĐN, phường CT, quận NQ, thành phố Hải Phòng để mở khóa điện thoại nhằm sử dụng hoặc bán lại.

Sau khi mất điện thoại, anh S đến trụ sở Công an phường Dư Hàng Kênh trình báo đồng thời cung cấp vị trí chiếc điện thoại qua định vị.

Ngày 26/10/2017, Lê Văn Đ đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên. Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ chiếc điện thoại Iphone 6S trên tại cửa hàng của anh Phạm Văn T1.

Tại Kết luận định giá tài sản số 66/KL-ĐGTTTHS ngày 27/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản quận Lê Chân kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 6S có trị giá 4.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT-VKS-P3 ngày 08 tháng 01 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Đ khai: Do bị cáo biết bị hại là người nước ngoài, bất đồng về ngôn ngữ, nơi xảy ra sự việc vào ban đêm, rất vắng người qua lại; bị hại không có khả năng đuổi theo bị cáo được nên bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản và ngang nhiên bỏ đi.

Tại phiên tòa, sau phần xét hỏi, Kiểm sát viên có quan điểm: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên xét thấy hành vi của bị cáo không thỏa mãn yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” nên Kiểm sát viên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 266 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, thay đổi tội danh truy tố bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 137 Bộ luật Hình sự 1999 (tương ứng với khoản 1 Điều 172 Bộ luật Hình sự 2015). Bởi lẽ: Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo Đ nhận thức được bị hại là người nước ngoài, không biết tiếng Việt, sự việc xảy ra lúc đêm khuya, vắng người qua lại, xe mô tô đang hỏng; nếu bị cáo chiếm đoạt tài sản, bị hại cũng không có điều kiện, khả năng ngăn cản được nên việc chiếm đoạt điện thoại được bị cáo thực hiện một cách công khai, không cần che giấu hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo chiếm đoạt theo Kết luận định giá tài sản có giá trị là 4.000.000 đồng.

Do đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 137; điểm đ khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 (tương ứng khoản 1 Điều 172; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015). Xử phạt:

Lê Văn Đ: Từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Miễn phạt tiền bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến về việc Kiểm sát viên thay đổi tội danh truy tố đối với bị cáo và không có ý kiến tranh luận lại. Bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải và nói lời sau cùng, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đối với việc thay đổi tội danh truy tố bị cáo của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Theo bản Cáo trạng truy tố bị cáo Lê Văn Đ về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự 1999; tại phiên tòa, Kiểm sát viên kết luận bị cáo phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo

khoản 1 Điều 137 Bộ luật Hình sự 1999 (nhẹ hơn so với hình phạt đã truy tố). Xét thấy, Kiểm sát viên đã căn cứ điểm c khoản 1 Điều 266 Bộ luật Tố tụng hình sự để thay đổi tội danh truy tố, kết luận về tội khác nhẹ hơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- *Về tội danh*: Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng có trong hồ sơ vụ án, cụ thể:

[2] + Lời khai của bị cáo Lê Văn Đ (BL 100 – 116): “Trong lúc sửa xe, người nước ngoài đưa tôi 01 điện thoại Iphon6 màu trắng, bật đèn Flash nhờ tôi cầm soi cho anh ta sửa xe, trong lúc soi đèn, tôi nghĩ mình đã giúp anh ta, nhưng anh ta lại tỏ thái độ bức tức, nên tôi nảy ra ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại, tôi lặng lẽ nhấn nút nguồn tắt đèn Flash, cho điện thoại vào túi quần, ngồi lên xe của tôi dựng cạnh đó, nổ máy xe, đồng thời gọi T rồi phóng đi. T thấy chạy theo ngồi lên xe tôi. Người nước ngoài thấy vậy chỉ kịp đứng dậy hô lên chứ không kịp đuổi theo.”

[3] + Lời khai của bị hại S (BL 63 – 66): “Tôi đưa điện thoại cho anh ta khoảng 30 giây thì anh ta lấy và bỏ chạy, khi đó tôi đang ngồi xem dây điện của xe để nối lại....Anh cầm điện thoại đứng bên trái xe, soi đèn cho tôi nối dây điện, người còn lại ngồi bên kia xe. Khi tôi nghe thấy tiếng xe máy nổ thì người ngồi bên kia đứng dậy chạy ra xe ngồi, xe chạy.”

[4] + Lời khai của người làm chứng Lã Xuân T (BL 136 – 139): “....Người nước ngoài có đưa điện thoại của mình cho Đ để Đ soi đèn cho người nước ngoài kiểm tra xe, một lúc sau tôi thấy Đ lên xe máy bỏ chạy, xe máy nổ, tôi chạy lên xe, người nước ngoài hô lên....”

[5] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn Đ đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu; phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng tại Cơ quan điều tra, Kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Hồi 01 giờ 30’ ngày 25/10/2017, anh S (quốc tịch Nga) điều khiển xe mô tô đến ngã 3 Nguyễn Văn Linh – Cầu rào 2 thì xe hết xăng phải dắt bộ. Lê Văn Đ điều khiển xe mô tô chở Lã Xuân T đến, cả 2 gặp anh S, hai bên bắt đầu ngôn ngữ, nhưng Đ hiểu là xe hết xăng. Đ chở T đi tìm chỗ để mua xăng; Đ và T đến số 83 TNH mua 20.000 đồng xăng của ông Nguyễn Quốc Á (ông Á sửa xe và bán xăng lẻ) sau đó quay lại không thấy S đâu, chỉ thấy xe mô tô dựng ở vỉa hè. Đ đổ xăng vào xe của anh S, rồi dùng chìa khóa của mình mở khóa xe, nhưng bị gãy chìa, anh S đi đến (vì anh S cũng đi bộ tìm chỗ mua xăng, nhưng không mua được nên quay lại chỗ để xe). Vì gãy chìa khóa, nên phải tháo giắc điện để đấu trực tiếp, anh S lấy điện thoại bật đèn đưa cho Đ soi để anh S đấu điện. Trong lúc sửa xe, anh S có nói to và tỏ thái độ bức tức nên Đ nảy ra ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại. Đ tắt đèn điện thoại, đút vào túi quần rồi ra xe mô tô của bị cáo, ra hiệu cho T, nổ máy xe. T chạy ra lên xe, Đ phóng xe đi.

[6] Trong vụ án này, sau khi nhận điện thoại từ người bị hại đưa cho, bị cáo Đ rất bình tĩnh, tắt đèn, dứt điện thoại vào túi, ra xe, nổ máy, điều khiển xe chạy, như vậy không coi là dùng thủ đoạn nguy hiểm. Ngoài ra, bị cáo không có hành vi ngay tức khắc chiếm đoạt tài sản, nhanh chóng tẩu thoát nên hành vi của bị cáo không cấu thành tội “Cướp giật tài sản”. Mặt khác, tại phiên tòa, bị cáo có thừa nhận việc biết bị hại là người nước ngoài, bất đồng ngôn ngữ, sự việc xảy ra lúc đêm khuya, vắng người qua lại, xe mô tô của bị hại đang hỏng; nếu bị cáo chiếm đoạt tài sản, bị hại cũng không có điều kiện, khả năng ngăn cản được nên việc chiếm đoạt điện thoại được bị cáo thực hiện một cách công khai, không cần che giấu hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo chiếm đoạt theo Kết luận định giá tài sản có giá trị là 4.000.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo Điều 137 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7] Tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người nước ngoài; gây ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự trị an, quản lý xã hội, làm phát sinh nhiều tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Do đó, cần xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[8] Bị cáo công nhiên dứt điện thoại vào túi quần, ra xe máy nổ máy phóng đi, tin chắc rằng bị hại không thể đuổi được; giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 4.000.000 đồng. Bị cáo không phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ phạm khoản 1 Điều 137 Bộ luật Hình sự 1999 (tương ứng khoản 1 Điều 172 Bộ luật Hình sự 2015).

- Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự :

[9] Bị cáo Đ có nhiều tiền án; trong đó, có 1 tiền án về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (Án số 16/2012/HSST ngày 05/06/2012 của Tòa án nhân dân huyện KT, tỉnh Hải Dương xét xử) chưa được xóa án tích, bị cáo lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo được xác định là “tái phạm” – đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 1999.

[10] Bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999. Với phân tích trên, mức án đối với bị cáo phải cao hơn khởi điểm của khung hình phạt áp dụng mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Vì bị cáo làm nghề lái xe tự do, thu nhập không ổn định, hiện có 2 con nhỏ, nên không cần thiết phạt tiền bị cáo.

[11] - *Về vấn đề dân sự:* Anh S đã nhận lại tài sản đầy đủ và không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[12] - *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 137; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 (tương ứng khoản 1 Điều 172; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015); xử phạt: Lê Văn Đ 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “***Công nhiên chiếm đoạt tài sản***”. Thời hạn tù tính từ ngày 26/10/2017.

- *Về án phí*: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiệm